

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm)

Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng và ghi lại vào tờ giấy kiểm tra.

Câu 1. Cho A là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 4. Khi đó cách viết nào dưới đây là **ĐÚNG**?

- A. $A = [1; 2; 3]$.
B. $A = (0; 1; 2; 3)$.
C. $A = \{1; 2; 3\}$.
D. $A = \{0; 1; 2; 3\}$.

Câu 2. Cho tập hợp $M = \{x|x \text{ là số tự nhiên, } 3 \leq x < 8\}$. Khẳng định nào dưới đây là **SAI**?

- A. $3 \in M$.
B. $8 \in M$.
C. M có 5 phần tử.
D. $9 \notin M$.

Câu 3. Số nào dưới đây là ước chung của 18 và 24?

- A. 9. B. 12. C. 4. D. 6.

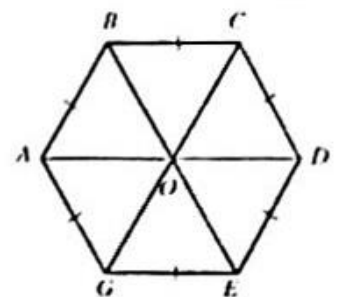
Câu 4. Kết quả phân tích số 18 ra thừa số nguyên tố là

- A. $3^2 \cdot 2$. B. $2^2 \cdot 3$. C. $9 \cdot 2$. D. $3^2 \cdot 2^2$.

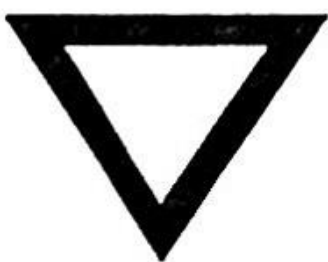
Câu 5. Cho hình lục giác đều ABCDEG được ghép bởi 6 tam giác đều như hình vẽ dưới đây

Biết $AB = 2\text{cm}$, khi đó độ dài BE là

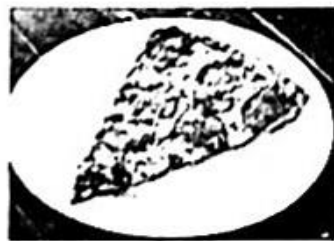
- A. 2cm. B. 3cm.
C. 4cm. D. 6cm.



Câu 6. Trong các đồ vật ở các hình dưới đây, đồ vật nào có hình tam giác đều?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 7. Trong các hình dưới đây, hình nào chỉ có bốn cạnh bằng nhau?

- A. Tam giác đều. B. Hình thoi. C. Hình chữ nhật. D. Hình lục giác đều.

Câu 8. Khẳng định nào sau đây là **SAI** khi nói về hình vuông?

- A. Hình vuông có bốn góc ở đỉnh bằng nhau.
B. Hình vuông có bốn cạnh bằng nhau.
C. Hình vuông có hai đường chéo bằng nhau.
D. Chu vi hình vuông bằng bình phương độ dài một cạnh của hình vuông đó.

Câu 9: Một hình chữ nhật có chiều dài là 8cm, chiều rộng là 6cm. Khi đó chu vi của hình chữ nhật là

- A. 14cm. B. 48cm. C. 28cm. D. 96cm.

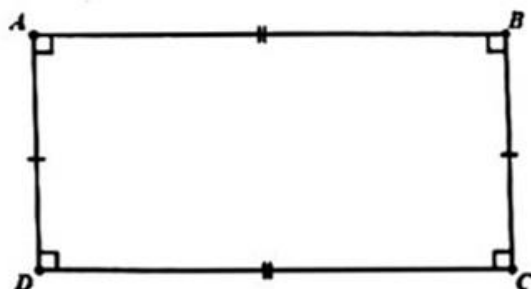
Câu 10: Một hình vuông có chu vi là 36cm thì diện tích của hình vuông đó là

- A. 18cm^2 . B. 36cm^2 . C. 12cm^2 . D. 81cm^2 .

Câu 11: Một hình thoi có diện tích là 20cm^2 , độ dài một đường chéo là 4cm, khi đó độ dài đường chéo còn lại là

- A. 10cm. B. 5cm. C. 16cm. D. 6cm.

Câu 12: Cho hình chữ nhật ABCD có $AD = 6\text{cm}$, $AB = 2.BC$, khi đó độ dài AB là



- A. 3cm. B. 12cm. C. 6cm. D. 8cm.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1 (2,0 điểm). Tính hợp lý nếu có thể:

- a) $184 + 317 + 216 - 117$. b) $6^8 : 6^6 : 9.4$.
c) $150 + 45.36 + 45.64$. d) $72 - [3^2 + (6 - 2)^2] : 5 + 2023^0$.

Bài 2 (2,0 điểm). Tìm số tự nhiên x biết:

- a) $3x - 23 = 13$. b) $25 - 6(x + 1)^2 = 1$.
c) $27 : x$ và $x > 8$. d) $x + 1 \in B(5)$ và $18 < x < 23$.

Bài 3 (0,5 điểm). Tìm chữ số a, b biết: $A = \overline{15ab}$ chia hết cho 2; 5 và 9.

Bài 4 (1,5 điểm). Hướng ứng phong trào "Đề thành phố thêm xanh", hai lớp 6A và 6B tổ chức cho một nhóm học sinh tham gia trồng cây. Biết rằng lớp 6A trồng được 54 cây, lớp 6B trồng được 84 cây và mỗi học sinh trồng được số cây như nhau. Hỏi mỗi bạn học sinh trồng được nhiều nhất bao nhiêu cây?

Bài 5 (1,0 điểm)

- a) Tìm các số tự nhiên n sao cho $n + 1 \in Ư(2n + 5)$.
b) Để chờ hết 65 tấn hàng phục vụ bà con vùng lũ, một cửa hàng bách hóa phải huy động hai loại xe với trọng tải 5 tấn và 7 tấn. Biết rằng mỗi xe đều chờ tối đa khối lượng cho phép. Hỏi cửa hàng đã huy động bao nhiêu xe 5 tấn và bao nhiêu xe 7 tấn?

.....Hết.....

Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm.